

TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG TỔ TIÊN CỦA NGƯỜI KHMER QUA LỄ ĐOLTA

Lâm Thị Mai Sương Tú

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là hình thức tín ngưỡng khá phổ biến của cư dân Đông Nam Á, thể hiện triết lý “ăn quả nhớ kẻ trồng cây” gắn liền với nền văn minh nông nghiệp lúa nước. Nếu như người Việt thể hiện sự tôn kính đối với ông bà, tổ tiên qua những ngày lễ, tết, ngày giỗ Tổ,... thì người Khmer duy nhất có ngày lễ Đolta để tưởng nhớ linh hồn ông bà quá cố. Đời sống tinh thần của người Khmer chịu ảnh hưởng sâu sắc Phật giáo Nam tông nên tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của họ cũng mang màu sắc Phật giáo thể hiện qua nguồn gốc, vai trò của lễ và ý nghĩa trong từng nghi thức lễ.

1. Nguồn gốc lễ Đolta

Lễ Đolta hay còn được người Khmer gọi là Phithi Sen Đolta có nghĩa là *Lễ cúng ông bà* được diễn ra ở hầu hết các cộng đồng người Khmer ở Nam Bộ nói chung. Đối với người Khmer, từ để chỉ lễ nghi phong tục là “bon” hoặc “pithi”, trong đó “bon” là từ dùng để gọi các lễ có tính chất trang trọng của Phật giáo hay chịu ảnh hưởng sâu đậm của Phật giáo với các nghi thức: thọ giới, bố thí và tụng niệm như đám ma (*Bon sop*), lễ Phật đàn (*Bon Visakh Bochea*), lễ nhập hạ (*Bon Chól Vossa*)...; còn “pithi” dùng để gọi những lễ mang tính chất dân gian như: lễ mừng năm mới (*pithi chol chnam thmay*), lễ cúng ông bà (*pithi sen Đolta*)... Người Khmer ở An Giang thường gọi lễ cúng ông bà một cách ngắn gọn là Sen Đolta hay lễ Đolta.

Theo tác giả Lê Hương trong *Người Việt gốc Miên*, lễ Đolta có nguồn gốc từ một điển tích Phật giáo, xảy ra ở Ấn Độ khi Đức Thích Ca còn tại thế. Câu chuyện xảy ra vào một đêm thanh vắng, vua Binbisara bị đánh thức bởi những tiếng gào thét của bọn ác quỷ để xin đồ ăn và thức uống. Nhà vua nghe theo lời của nhà tiên tri định đem chặt đầu 100 đàn ông, 100 đàn bà và 100 gia súc để hiến tế. Tuy nhiên, nhờ sự can ngăn của hoàng hậu, vua đã tìm đến Đức Phật để hóa giải giấc

mộng. Qua lời của Đức Phật thì 92 kiếp trước, vị vua là chủ nhân của đám quý, vì hầu hạ vua ở kiếp đó không tốt nên bị đày thành quỷ ở cõi âm, trải qua 92 kiếp đói khát, khổ sở. Đức Phật khuyên vua nên cúng dường đồ ăn, thức uống và quần áo cho các vị tu sĩ để nhờ ân đức của các vị này chuyển phước đến bọn quỷ. Nhờ vào lời khuyên của Đức Phật mà bọn quỷ được no ấm và đầu thai về cõi Trời nên không còn kêu than với nhà vua vào mỗi đêm (Lê Hương 1968: 58 - 60).

Tuy nhiên, tác giả Trần Minh Thương trong “Từ lễ Sel Don-ta đến Hội đua bò Bảy Núi, nét độc đáo trong văn hóa của đồng bào Khmer An Giang”⁽¹⁾ lại có một lý giải khác về nguồn gốc của lễ Đolta. Theo đó, tác giả cho rằng lễ Đolta ở Nam Bộ có từ trước khi đạo Phật truyền vào xã hội người Khmer: “Người Khmer ở Tây Nam Bộ sinh sống chủ yếu bằng nghề nông, trồng lúa nước. Theo âm lịch của người Việt, cứ khoảng tháng 4 gieo mạ, tháng 6-7 nhổ mạ cấy lúa. Cây sắp xong thì nước lũ tràn về ngập đồng, đường sá cách trở. Cuối tháng 8 nước lũ đã rút, con cháu chống xuồng chèo ghe tìm đến để thăm hỏi ông bà cha mẹ già yếu, đường xa họ phải mang theo lúa, gạo, trái cây, com nước, để vừa dâng biếu cho ông bà cha mẹ, vừa để mình ăn theo dọc đường đi. Người may mắn còn gặp lại ông bà, cha mẹ,

nhưng cũng có những người già yếu đã qua đời trong thời gian nước lũ mà con cháu không hay biết. Dần dần những người cùng đi, họ hẹn hò gặp nhau ở một chỗ nào đó để làm lễ nhớ ơn, hoặc cùng chia buồn với bạn bè là người tim không gặp ông bà cha mẹ. Sau khi có chùa Phật, thì họ hẹn hò nhau tụ hội về đây làm lễ Sen Dol-ta, lễ cúng tưởng nhớ ông bà hình thành từ ngày ấy”. Đây cũng là một cách lý giải khá hợp lý vì nó phù hợp với thời gian và không gian của lễ Đolta, song ít được các tài liệu đề cập đến nên cần có nhiều công trình nghiên cứu hơn nữa để khẳng định.

Ngoài hai truyền thuyết trên, trong dân gian còn lưu truyền một câu chuyện về nguồn gốc lễ Đolta do một vị Achar kể lại. Ngày xưa, người Khmer cúng ông bà, cha mẹ ở nơi đặt hài cốt trong chùa. Một ngày kia, có một người con gái vì phải đi làm xa, không ở gần nơi chôn cất cha mẹ nên phải đi thật xa để về dâng cơm. Trên đường đi bị mắc mưa, tình cờ cô gái gặp được vị sư đi khất thực cũng trú mưa chung. Cô gái đã nghĩ cách dâng hết thức ăn cho vị sư để nhờ vị sư này tụng kinh để chuyển thức ăn đến cha mẹ. Cách làm này không những giúp thức ăn đến được với cha mẹ cô gái, mà còn giúp họ ăn được no hơn nếu được các vị sư tụng kinh chuyển hóa (PV Achar C.P, chùa Lá, xã Châu Lãng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang).

Trong câu chuyện trên, người Khmer cho rằng chỉ bằng cách đưa cho các vị sư dùng cơm và tụng kinh mới có thể chuyển được cơm đến ông bà, cha mẹ. Vì theo quan niệm của họ, nếu cúng cơm cho người chết mà không đưa cho các vị sư tụng kinh thì người chết chỉ ngửi được mùi thơm của thức ăn mà không được ăn thật sự. Câu chuyện là một cách mà dân gian lý giải cho việc cúng lễ Đolta, tuy không phải là cách lý giải mà những nhà nghiên cứu đã từng đề cập nhưng đã góp phần làm phong phú thêm hệ thống tri thức dân gian của người Khmer.

2. Vai trò của lễ Đolta trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của người Khmer An Giang

Đối với người Khmer, Phật giáo Nam tông có sự ảnh hưởng nhất định đến mọi mặt của đời sống tinh thần. Người Khmer từ lúc sinh ra cho

đến khi mất đi luôn gắn bó cuộc đời với ngôi chùa - một biểu tượng của Phật giáo Nam tông, nên niềm tin của họ gắn liền với niềm tin vào Phật giáo, với giáo lý và giáo thuyết của nhà Phật. Lễ Đolta được xem là một trong những lễ lớn nhất của người Khmer mà nguồn gốc và nghi thức của lễ gắn liền với điển tích của Phật giáo. Bắt nguồn từ câu chuyện của nhà vua Binbisa và Đức Thích Ca, lễ Đolta cho thấy người Khmer tin vào kiếp sau và nhân quả luân hồi. Trong cuộc sống hiện tại, các tín đồ người Khmer được răn dạy phải luôn làm phước, bố thí và luôn biết ơn ông bà, tổ tiên thì khi chết đi sẽ được đến cõi Niết Bàn để tiếp tục hưởng một cuộc sống thanh thoi, an nhàn. Vì vậy, khi ông bà trong gia đình còn sống, con cháu có nghĩa vụ chăm lo, nuôi dưỡng và đến khi ông bà qua đời, con cháu vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của mình mỗi năm để ông bà không phải chịu cảnh đói khổ, còn con cháu được thêm phần phước cho bản thân. Phần nghi thức lễ của lễ Đolta cũng thể hiện rõ sự hiện diện của Phật giáo trong đời sống tôn giáo của người Khmer vì phần lớn các nghi thức đều diễn ra ở chùa. Trong vòng 15 ngày của lễ *Bon canh banh* mở đầu cho lễ Đolta, vào mỗi buổi tối và mỗi buổi sáng, người Khmer đều vào chùa nghe sư sãi tụng kinh, thắp hương rồi mới đặt cơm cúng cho ông bà. Toàn bộ quá trình lễ chỉ có một ngày duy nhất người Khmer mời ông bà đã khuất về nhà ăn cơm cùng con cháu, dù diễn ra ở nhà nhưng khi cúng cũng phải đọc ba lần kinh. Trong khi đó, người Việt cúng ông bà chỉ tổ chức trong phạm vi gia đình, dòng họ, làng xóm chứ không thực hiện tại chùa. Các nghi thức cúng ông bà của người Việt cũng diễn ra đơn giản với việc đọc bài khấn mời ông bà về dùng cơm, hầu như không có sự hiện diện của sư sãi trong quá trình cúng kiếng. Qua đó, có thể thấy lễ Đolta cùng với các nghi thức của đạo Phật càng củng cố thêm vị trí của Phật giáo Nam tông trong đời sống tinh thần của người Khmer.

Lễ Đolta phản ánh rõ nét đời sống tín ngưỡng của người Khmer, là một biểu hiện của truyền thống “uống nước nhớ nguồn” và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của dân tộc Việt Nam nói riêng, cư dân các nước Đông Nam Á nói chung. Trong ngày

Sen Đolta, đồng bào Khmer chuẩn bị những thức ăn ngon, dọn dẹp nhà cửa và bàn thờ để mời ông, bà về ăn cơm với con cháu. Thành phần chính trong các thức ăn dâng cúng ông, bà chính là gạo và nếp, vốn là những sản phẩm truyền thống của nền nông nghiệp lúa nước. Qua các vật phẩm đó, người Khmer thể hiện lòng biết ơn đối với ông, bà đã khuất, những người đã truyền dạy kinh nghiệm canh tác nông nghiệp quý báu cho con cháu. Dịp lễ Đolta trùng vào lúc người Khmer chuẩn bị mùa vụ mới nên việc cúng ông bà cũng là sự cầu mong ông bà phù hộ cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi. Thời gian cúng ông bà của người Khmer chỉ diễn ra duy nhất vào dịp lễ Đolta trong năm, còn người Việt cúng ông bà vào ngày giỗ tức là ngày mất của ông bà nên có thể nói, so với người Việt thì thời gian cúng ông bà của người Khmer mang tính cộng đồng hơn. Về đối tượng được cúng, người Khmer không chỉ cúng ông, bà thân thuộc mà cúng cho cả những vong hồn đơn độc, không nơi nương tựa vì theo quan niệm của người Khmer, những vong hồn đơn độc này sẽ không được ai cúng kiếng nên lễ Đolta là lễ cúng chung cho tất cả các vong hồn, không phân biệt trong hay ngoài dòng họ. Về đặc điểm này, lễ Đolta có phần khá giống với lễ cúng cô hồn của người Việt vào rằm tháng bảy hàng năm, nhưng lễ Đolta lại cúng cho những vong hồn lớn tuổi chứ không cúng cho tất cả vong hồn như lễ cúng cô hồn của người Việt.

Ngoài việc cúng ông bà để thể hiện đạo hiếu, lễ Đolta còn là dịp để đồng bào trong phum, sóc tập trung vui chơi thoải mái. Trong dịp này, các trò chơi dân gian, văn nghệ được diễn ra để đồng bào tham gia và thưởng thức. Đặc biệt khi Hội đua bò được tổ chức trùng vào ngày lễ Đolta thì các hoạt động vui chơi của người Khmer trong dịp càng phong phú hơn, không khí lễ - hội càng nhộn nhịp hơn. Các hoạt động này vừa là hình thức vui chơi, vừa là cách để củng cố và thúc đẩy tinh thần đoàn kết giữa các cá nhân trong cộng đồng. Trong hệ thống lễ hội của người Khmer, lễ Đolta mang tính chất dân gian nên bên cạnh các nghi thức cúng, người Khmer vẫn xen vào các trò chơi dân gian tạo không khí vui chơi cho cả cộng đồng sau những ngày mùa vất vả.

Lễ Đolta có một vai trò quan trọng trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng của người Khmer. Lễ thể hiện ảnh hưởng của Phật giáo trong các nghi thức cúng, sự ảnh hưởng của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của cư dân nông nghiệp lúa nước ở Đông Nam Á và tinh thần vui chơi để bắt đầu một mùa vụ mới. Vì vậy, mặc dù người Khmer có nhiều ngày lễ lớn trong năm nhưng lễ Đolta vẫn được xem như một ngày lễ quan trọng để tưởng nhớ tổ tiên ông bà và thể hiện truyền thống kính trọng đối với thế hệ trước.

3. Diễn trình lễ Đolta

Theo truyền thống, lễ Đolta diễn ra trong 15 ngày được chia làm hai phần: lễ cúng ở chùa và lễ cúng ở nhà với bốn lễ chính thức có tên gọi lần lượt là: *bon canh banh* (lễ đặt cơm vắt), *bon sen Đolta* (lễ cúng ông bà), *bon phchumbinh* (lễ linh), *bon chuonh* (lễ tiễn ông bà).

Bon canh banh mở đầu cho lễ Đolta với 15 ngày, bắt đầu từ ngày 16 tháng 8 đến 30 tháng 8 âm lịch (người Khmer gọi là *muay roch ban*). Trong những ngày này, các vị sư sẽ không rời khỏi chùa, buổi sáng và chiều thì học giáo lý và kỷ luật của đạo Phật, buổi tối tụng kinh và thuyết pháp. *Bon banh canh* được hiểu là lễ đặt cơm vắt, trong lễ này gồm có việc dâng thức ăn cho sư, nhờ các sư, sãi tụng kinh và đặt cơm cho người chết. Vào những ngày trước khi lễ Đolta diễn ra, Achar sẽ làm nhiệm vụ họp các nhà trong phum lại và phân chia công việc. Thường là tùy vào số lượng hộ có trong phum mà Achar sẽ chia thành các “*wện*” (nhóm), trung bình mỗi “*wện*” sẽ có từ 10-15 hộ. Mỗi “*wện*” sẽ phụ trách một ngày, nếu nhà nào khá giả và có điều kiện thì sẽ đề nghị với Achar cho nhà mình tự làm trong một ngày. Mỗi ngày, “*wện*” phụ trách sẽ có nhiệm vụ mỗi sáng nấu cơm và thức ăn dâng lên sư để dùng vào hai buổi: sáng và trưa. Thức ăn được dâng lên sư thường là những món ăn ngon, có thể khác những món thường ngày như bún, bánh canh, thịt heo, thịt gà... tùy theo khả năng của các gia đình. Nếu “*wện*” nào được các vị sư dùng cơm tận tình thì được xem là một điều phúc lành vì giống như ông bà, cha mẹ của mình cũng cảm thấy ngon như vậy.

Trong mỗi phum của người Khmer hầu như

đều có ít nhất một chùa nên người dân thường nấu nướng tại nhà và chỉ cần gánh mang vào chùa. Nếu đồ ăn dâng lên sư quá nhiều, sư dùng không hết, thì mỗi món, sư sẽ dùng một ít, phần còn thừa sẽ được chia cho các gia đình. Việc dâng đồ ăn lên cho sư được bắt đầu vào khoảng 5 giờ sáng, trước đó mỗi “*wện*” phải thức sớm hơn để chuẩn bị nấu nướng. Những nhà còn lại trong phum, mỗi nhà sửa soạn một cái mâm nhỏ, trong đó đựng một chén cơm, một chén bánh, một chén trái cây (có thể là chuối), nhang, đèn cây và gắn hai cây có dán giấy gọi là cây *tung pro lung* (giấy được cắt như hình người để tượng trưng cho linh hồn ông bà). Khi mọi người tập trung đầy đủ thì bắt đầu thắp nhang vào mâm của mỗi người, trẻ em và người lớn cầm một chén cơm và bó nhang đã được thắp để đi ra chánh điện. Cùng lúc đó thì tiếng đọc kinh của sư từ trong tháp vang vọng ra, mọi người đi ba vòng quanh chánh điện. Ở mỗi góc của chánh điện có đặt sẵn một cái mâm nhỏ để mọi người đến và đặt cơm vào, cắm nhang cạnh mâm đó.

Ngoài việc đặt cơm ở góc chánh điện, người Khmer khi làm lễ đặt cơm vất cũng vừa đi vừa rải cơm ra bên ngoài chánh điện với mục đích là cúng cho những vong hồn vất vưởng, không có con cháu. Đặt cơm xong, mọi người trở vào để thu dọn mâm lễ vật và mang về. Sau lễ đặt cơm là đến giờ dùng cơm sáng của các sư với các món ăn đã được “*wện*” chuẩn bị. Bữa ăn trưa được dâng lên sư vào khoảng 11 giờ, sau khi dùng bữa trưa (sau 12 giờ), các vị sư, sãi sẽ không dùng cơm hoặc thực phẩm cho đến sáng hôm sau. Đối với Phật giáo phái Mohanikay (Phái lớn) thì sau khi dùng cơm trưa, các vị sư có thể uống được sữa hoặc các loại nước có thành phần tinh bột nhưng đối với người tu theo phái Thommayut (làm theo Phật pháp) thì tuyệt đối không được dùng thức ăn hoặc nước có thành phần tinh bột: “Trong ngày Sen Đolta, từ sau bữa ăn trưa thì sư không được ăn gì nữa, nước cũng không được uống nước ngọt, nước trái cây, hay sữa, miễn là thứ nào có chất bột là không được uống. Đó là phái Thommayut, còn phái Mohanikay thì được uống nước trái cây và uống sữa” (PV ông C.S.H, sư cả chùa Sà Lôn, xã

Châu Lăng, huyện Tri Tôn, An Giang).

Vào buổi tối của ngày *bon canh banh*, mỗi “*wện*” cũng sẽ chuẩn bị trà, trà, bánh ngọt, nhang để vào chùa tụng kinh. Trước 7 giờ tối, những người lớn tuổi trong phum sẽ tụ họp về chùa, cùng nhau ăn bánh, ăn trà, uống trà và trò chuyện với nhau. Đến 7 giờ, mọi người cùng nhau thắp nhang và đọc kinh, ý nghĩa của lời đọc kinh lúc này nhằm kêu gọi linh hồn của ông bà tụ họp về chùa để chuẩn bị nghe sư, sãi tụng kinh cầu siêu. Sau khi đọc ba lần kinh gọi ông bà thì Achar dùng một cái mõ đánh lên tiếng vang lớn cho các vị sư từ tháp đi qua để thực hiện việc tụng kinh cầu siêu cho các linh hồn. Buổi đọc kinh kéo dài đến khoảng 9 giờ thì kết thúc, mọi người trở về nhà, nhà nào thuộc “*wện*” của ngày hôm sau thì sẽ thức sớm để chuẩn bị đồ ăn. Lễ đặt cơm cứ tuần tự diễn ra theo các nghi thức đó cho đến hết 15 ngày. Vì lễ diễn ra với thời gian khá dài và nhiều nghi thức nên có nhiều người không đi đầy đủ 15 ngày, nhất là đối với trẻ em phải thức sớm đi đặt cơm vất.

Ngày 29 tháng 8 là ngày cuối cùng của *bon canh banh*, mọi người chuẩn bị quét dọn nhà cửa, bày biện lễ vật lên bàn thờ và gói các loại bánh như bánh ít, bánh tét. Bánh ít và bánh tét là hai loại bánh phổ biến của người Khmer An Giang trong ngày lễ Đolta. Bánh ít được gói bằng bột ngọt bên ngoài, nhân là hỗn hợp gồm có đậu xanh, dừa, mè đen, đặc biệt là mè đen chỉ có trong bánh ít cúng lễ Đolta chứ không có ở những lễ khác. Vỏ bánh thường trộn nếp trắng và nếp than. Theo bà S.P, bánh ít có sự khác biệt là “*vi cúng cho người đã khuất nên việc trộn mè đen và vỏ bánh màu nếp than là cho giống với bánh của người cõi âm*” (PV bà S.P, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn).

Người Khmer trong ngày này cũng chuẩn bị món thịt kho hột vịt để cúng ông bà. Việc làm bánh và kho thịt có thể được làm vào những ngày trước đó, đến ngày 29 tháng 8 là ngày cuối cùng phải hoàn thành để ngày chính thức là ngày 30 tháng 8 có lễ vật dâng cúng cho chùa.

Vào ngày lễ chính thức còn gọi là lễ *phchum banh*, buổi sáng trước 7 giờ, mọi người có mặt tại chùa với lễ vật đã được chuẩn bị gồm có cơm,

thức ăn, bánh ít, bánh tét và nhang. Tại chùa, cơm và thức ăn được chia ra hai phần, một phần để dành cho sư, một phần để lại trong *cà mên* và tập trung trước một bàn dài (nơi các sư, sãi ngồi tụng kinh). Các vị sư, sãi đọc kinh Chayanto để cảm ơn tín đồ, cầu phước cho Phật tử, cầu siêu cho các vong hồn. Đến khoảng 8 giờ, Phật tử xếp thành một hàng dài để tiến hành dâng cơm và thức ăn gọi là “đặt bát”, người lớn tuổi trước và sau cùng là các em nhỏ. Mỗi người cầm một chén cơm đã chuẩn bị sẵn, đi ngang qua các dãy bát (số lượng tùy vào mỗi chùa), lấy muỗng múc một ít cơm để vào trong bát. Cuối cùng của dãy bát là một cái mâm nhỏ có lót lá chuối hoặc lá sen, Phật tử múc cơm đặt vào mâm này cuối cùng. Theo giải thích của sư cả, “*cái mâm đó là dành cúng cho các vong hồn không có người thân*” (PV sư cả C.S.H, chùa Sà Lôn, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, An Giang). Sau khi đặt cơm vào tất cả các bát, tín đồ quỳ xuống trước đức Phật lạy ba lạy rồi trở về chỗ ngồi. Người Khmer quan niệm, việc đặt cơm vào bát có ý nghĩa quan trọng nhất trong ngày lễ Đolta vì việc làm này có thể giúp ông bà của họ có thể dùng được cơm do họ dâng lên, đồng thời cũng là việc làm để tích phước. Xong phần lễ này, các tín đồ lấy lại *cà mên* cơm của mình để đem về nhà. Các vị sư dùng điểm tâm, đến 11h thì dùng cơm trưa.

Cũng trong ngày 30 tháng 8, sau khi cúng ở chùa xong, người dân trở về nhà và chuẩn bị mâm cơm cúng ông bà tại nhà gọi là *bon sen Đolta* (lễ cúng ông bà). Thường thì các gia đình sẽ cúng ở nhà vào khoảng 11 giờ, cũng có một số nhà cúng vào 16 giờ. Lúc này, mâm cơm cúng ông bà gồm có thịt kho hột vịt với măng, món xào, canh bún và bánh tét, kẹo, nước ngọt hoặc bia, trái cây. Món canh bún là món luôn xuất hiện trong mâm cơm cúng của người Khmer An Giang, theo sư cả C.S.H thì món canh bún là dùng để cho người đã khuất vì có những người không thể dùng miệng để ăn được những thứ khác. “Nếu ông bà, cha mẹ của người nào lúc còn sống đã không nói lời tốt, chửi người khác thì khi chết đi miệng sẽ bị nhỏ lại và sẽ không thể mở miệng to để ăn cơm được. Do đó, cúng bún là để ông bà, cha mẹ đã mất của

nếu miệng có bị nhỏ lại thì sẽ húp được cọng bún do bún trơn, dễ húp vô miệng” (PV sư cả C.S.H, chùa Sà Lôn, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn).

Chủ nhà sẽ mời một số người lớn tuổi trong xóm đến đọc ba lần kinh để mời linh hồn những người trong họ hàng đã quá vãng về nhà ăn uống. Sau mỗi hồi kinh đều rót trà, gấp thức ăn mỗi thứ một ít để vào chén, sau đó đem ra sân để cạnh hàng rào, cắm một cây nhang mời ma quỷ đã đưa ông bà về ăn, ở lại vui chơi trong ngày lễ. Cúng xong, gia chủ có thể mời những người lớn tuổi ở lại ăn cơm với gia đình. Từ chiều đến tối, một số gia đình của người Khmer tổ chức tiệc và mời người thân, bạn bè đến ăn uống, vui chơi, nhảy múa.

Ngày mùng 1 tháng 9 là ngày cuối cùng của Lễ Đolta, gọi là *bon chuôn* (lễ tiễn đưa ông bà). Vào lúc sáng sớm, mỗi nhà chuẩn bị một hoặc hai cái bè chuối nhỏ, trong đó đựng một ít bánh tét, một trái chuối, bánh ngọt và cắm bà cây nhang. Trên bè có treo hình con cá sấu, con rồng được cắt bằng giấy với ý nghĩa là những con vật này sẽ che chở cho ông bà khi vượt suối hay băng rừng đều được thuận lợi. Sau khi thắp nhang cúng ở nhà, một người trong gia đình đem bè chuối đó thả ở sông, suối, ao hồ gần nhà. Người Khmer quan niệm, ông bà mất đi sẽ về nơi chín suối, đường đi đến đó hiểm trở và khó khăn nên muốn ông bà đi về thuận lợi thì phải có tàu, bè đưa ông bà đi với đồ ăn dự trữ sẵn trên bè để ông bà ăn dọc đường. Khi thả bè xuống sông, người Khmer cũng khấn một bài khấn như để nói lời tạm biệt với ông bà: “Tàu bè đưa ông bà tôi về đến nơi ở của ông bà thuận lợi, không gặp điều gì cản trở” (PV bà N.R, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn).

Việc thả tàu bè cũng là nghi thức cuối cùng để kết thúc lễ Đolta, mọi người trở về cuộc sống thường ngày của mình.

4. Những biến đổi của lễ Đolta trong xã hội hiện đại

Lễ Đolta tổ chức theo truyền thống với đầy đủ các nghi thức thường mất nhiều thời gian và chi phí nên trong xã hội hiện đại, lễ đã được rút ngắn và giản lược. Một số gia đình phải đi làm xa, không có điều kiện về nhà làm lễ *bon canh banh* thì chỉ tập trung vào ba ngày lễ chính hoặc chỉ duy

nhất ngày 30 tháng 8 là ngày làm lễ ở chùa và cúng tại nhà. Cũng do điều kiện hẹp mặt khó khăn, lễ Đolta còn là dịp để gia đình tính chuyện cưới hỏi cho con cháu trong nhà. Hai gia đình thông gia sẽ đến thăm nhau cùng với một số bà con dòng họ, trước là để hỏi thăm sức khỏe nhau, sau là định ngày, tháng để chuẩn bị đám cưới cho đôi trẻ. Có thể nói, việc dạm hỏi trong dịp lễ Đolta khá phổ biến trong cộng đồng người Khmer vì đây là dịp những người ở xa về thăm quê, con cháu tụ họp lại đông đủ nên rất thuận lợi cho người Khmer thể hiện tình cảm của mình đối với gia đình thân tộc. “Lễ Đolta là lễ quan trọng của người Khmer, dù ai đi làm xa ở đâu hay bận việc gì đều phải thu xếp về cho bằng được nên là dịp rất thuận lợi để họ hàng họp mặt và thông báo việc cưới hỏi. Cho dù sau này khi đám hỏi hay đám cưới mà người ở xa không về được thì cũng đã gặp mặt được gia đình thông gia” (PV sư cả C.S.H, chùa Sà Lôn, huyện Tri Tôn, An Giang).

Người Khmer đã linh hoạt trong việc kết hợp văn hóa truyền thống với điều kiện xã hội mới để vừa giữ gìn được văn hóa của mình, vừa tăng thêm tinh gắn bó trong cộng đồng. Bên cạnh đó, trong từng nghi thức thì cũng có sự đơn giản cho phù hợp. Gia đình bà S.P ở phum Rolous xã Châu Lăng có bốn người là vợ chồng và hai con, cả bốn người đều đi làm và đi học nên không có thời gian làm đủ hết các nghi thức mà chỉ tập trung vào ba ngày lễ chính. Ngày cuối cùng, một số gia đình chỉ cúng mâm cơm tại nhà để tiễn ông bà mà không thả bè, hoặc có thể thay thế tàu bè bằng mô hình xe hơi hay xe máy cho ông bà đi cho nhanh hơn. Một số gia đình ngày nay thay vì cúng rượu cho ông bà theo kiểu truyền thống thì cúng thêm nước có gas, nước trái cây đóng chai hay bia. Có thể nhận thấy rằng, xen giữa các nghi thức truyền thống là sự sáng tạo dựa trên việc tiếp thu các yếu tố văn minh hiện đại. Nhìn chung về bản chất, người Khmer vẫn duy trì được phong tục của mình qua những nghi thức chính như dâng cơm và tụng kinh tại chùa.

5. Kết luận

Người Khmer An Giang chịu ảnh hưởng sâu sắc của Phật giáo Nam tông trong đời sống

tôn giáo và tín ngưỡng nên lễ Đolta cũng mang nhiều màu sắc của Phật giáo. Lễ diễn ra trong 15 ngày với các nghi thức của đạo Phật như lễ đặt cơm mời ông bà về tụ họp với con cháu, lễ cúng ông bà với những thức ăn ngon, lễ linh là nhờ các vị sư đưa cơm đến cho ông bà và lễ tiễn ông bà về. Đây là một trong những lễ quan trọng trong năm của người Khmer để bày tỏ lòng hiếu thảo, tôn trọng các thế hệ đi trước. Qua lễ Đolta, người Khmer còn gửi gắm ước vọng phồn thực, cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt để có cuộc sống tốt đẹp hơn.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Văn Bính (2004), *Văn hóa các dân tộc Tây Nam Bộ - Thực trạng và những vấn đề đặt ra*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Trần Văn Bốn (2002), *Phong tục và nghi lễ vòng đời người Khmer Nam Bộ*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Sơn Phước Hoan chủ biên (2002), *Các lễ hội truyền thống của đồng bào Khmer Nam Bộ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
4. Lê Hương (1968), *Người Việt gốc Miên*, Nxb. Văn Đàn.
5. Trường Lưu (1993), *Văn hóa người Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
10. Nhiều tác giả (2014), *Lễ hội cộng đồng: Truyền thống và biến đổi*, Nxb. Đại học quốc gia, Tp. Hồ Chí Minh.
6. Dương Văn Sáu (2004), *Lễ hội Việt Nam trong sự phát triển du lịch*, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
7. Sô-ry-a (1988), *Khmer Nam Bộ*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
8. Đào Sơn (2013), “Ý nghĩa lễ Sen Đôn ta của đồng bào dân tộc Khmer”, *Tạp chí Văn hóa các dân tộc*, số 6, tr. 4-5.
9. Trần Ngọc Thêm (1996), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Trần Minh Thương (2012), “Từ lễ Sel Dol-ta đến Hội đua bò Bảy Núi, nét độc đáo trong văn hóa của đồng bào Khmer An Giang”, trong: UBND tỉnh An Giang, Viện Văn hóa nghệ thuật, Cơ quan đại diện Bộ VH,TT&DL tại Tp. Hồ Chí Minh, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Lễ hội đua bò Bảy Núi, An Giang”*.